

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
I	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		402.702.837.565	401.433.490.683
<u>L. Tiền và các khoản tương đương tiền</u>	110		11.779.954.252	9.318.469.308
1. Tiền	111	V.01	919.176.446	405.320.830
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.860.777.806	8.913.148.478
<u>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</u>	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<u>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</u>	130		21.720.594.397	24.463.579.758
1. Phải thu của khách hàng	131		19.582.969.089	22.574.124.664
2. Trả trước cho người bán	132		865.177.907	865.177.907
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.272.447.401	1.024.277.187
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
<u>IV. Hàng tồn kho</u>	140		351.287.733.414	351.092.633.382
1. Hàng tồn kho	141	V.04	351.287.733.414	351.092.633.382
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<u>V. Tài sản ngắn hạn khác</u>	150		17.914.555.502	16.558.808.235
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.936.745.439	2.683.869.816
3. Thuế & các khoản phải thu nhà nước	154	V.05	5.608.651.659	5.483.052.982
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.369.158.404	8.391.885.437

B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)							
I. Các khoản phải thu dài hạn							
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	200			11.136.818.135	11.084.389.990		
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	210			10.818.569.233	10.758.023.778		
3. Phải thu dài hạn nội bộ	211			4.828.107.232 ✓	4.828.107.232		
4. Phải thu dài hạn khác	212						
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	213	V.06					
II. Tài sản cố định	218	V.07		10.844.969.233	10.784.423.778		
1. Tài sản cố định hữu hình	219			(4.854.507.232)	(4.854.507.232)		
. Nguyên giá	220			126.309.921	217.587.897		
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	221	V.08		126.309.921	217.587.897		
2. Tài sản cố định thuê tài chính	222			2.245.448.804	2.245.448.804		
. Nguyên giá	223			(2.119.138.883)	(2.027.860.907)		
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	224	V.09					
3. Tài sản cố định vô hình	225						
. Nguyên giá	226						
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	227	V.10					
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	228						
III. Bất động sản đầu tư	229						
. Nguyên giá	230	V.11					
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	240	V.12					
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	241						
1. Đầu tư vào công ty con	242						
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	250						
3. Đầu tư dài hạn khác	251						
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	252						
V. Tài sản dài hạn khác	258	V.13					
1. Chi phí trả trước dài hạn	259						
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	260			191.938.981	108.778.315		
3. Tài sản dài hạn khác	261	V.14					
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	262	V.21		181.938.981	98.778.315		
	268			10.000.000	10.000.000		
	270			413.839.655.700	412.517.880.673		

NGUỒN VỐN						
I						
	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ		
A. NỢ PHẢI TRẢ						
(300 = 310 + 330)						
I. Nợ ngắn hạn						
1. Vay và nợ ngắn hạn	300		370.216.897.390	368.895.122.363		
2. Phải trả cho người bán	310		242.765.182.534	241.443.407.507		
3. Người mua trả tiền trước	311	V.15	-			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	312		24.201.257.522	24.993.035.630		
5. Phải trả người lao động	313		9.273.358.889	10.262.069.405		
6. Chi phí phải trả	314	V.16	-			
7. Phải trả nội bộ	315		-	1.889.298.329		
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	316	V.17	179.009.836.368	173.398.199.070		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	317		27.320.300.430	27.639.187.598		
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	318					
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319	V.18	2.614.368.000	2.111.130.813		
	320					
II. Nợ dài hạn						
1. Phải trả dài hạn người bán	330		346.061.325	1.150.486.662		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	331		127.451.714.856	127.451.714.856		
3. Phải trả dài hạn khác	332	V.19				
4. Vay và nợ dài hạn	333		127.451.714.856	127.451.714.856		
5. Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	334	V.20				
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	335	V.21	-			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	336		-			
	337					
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU						
(400 = 410 + 420)						
I. Vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400		43.622.758.310	43.622.758.310		
2. Thặng dư vốn cổ phần	410		44.224.946.759	44.224.946.759		
3. Vốn khác của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000		
4. Cổ phiếu ngân quỹ	412					
	413					
	414					

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	14.264.298.039	67.175.443.638
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		542.727.273	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		13.721.570.766	67.175.443.638
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	11.891.617.416	60.404.609.574
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.829.953.350	6.770.834.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	301.463.163	427.941.842
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	0	
Trong đó : Lãi vay phải trả	23		0	
8. Chi phí bán hàng	24		41.446.281	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.097.970.232	4.492.810.693
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:= 20 + (21-22)-(24+25)	30		-8.000.000	2.705.965.213
11. Thu nhập khác	31		8.000.000	
12. Chi phí khác	32		0	344.240.983
13. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		8.000.000	-344.240.983
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		0	2.361.724.230
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	83.160.666	606.815.736
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-83.160.666	-6.432.182
17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51-52)	60		0	1.761.340.676
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

NGƯỜI LẬP

[Signature]

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

TRẦN LIỄU THỦY

TP.HCM ngày 14 tháng 07 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ths. Ngô Mạnh Cường

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	16.955.198.738	24.215.784.582
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6.310.574.455)	(55.702.412.238)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.498.022.234)	(7.389.136.139)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-	
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(310.032.553)	(163.113.417)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	432.243.711	47.490.411.505
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.108.791.426)	(14.146.510.774)
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.160.021.781	(5.694.976.481)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	301.463.163	704.068.727
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	301.463.163	704.068.727
III	LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các chủ sở hữu	31		
2	Tiền chi góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	
4	Tiền chi trả nợ vay	34		
5	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		



	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.461.484.944	(4.990.907.754)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.318.469.308	14.309.377.062
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.779.954.252	9.318.469.308

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN LIỄU THỦY

Lập ngày 14 tháng 07 năm 2014
TỔNG GIÁM ĐỐC



Ts. Ngô Mạnh Cường



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

I-ĐẶC ĐIỂM KINH DOANH

- 1- Hình thức sở hữu vốn: **Vốn nhà nước**
- 2- Lĩnh vực kinh doanh: **Thương mại, xây dựng**
- 3- Ngành nghề kinh doanh: **lập dự án, thiết kế, xây dựng, trang trí nội thất kinh doanh nhà ở, quy hoạch, giao thông, khảo sát, lập bản đồ, kinh doanh vật liệu xây dựng,**

II- NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1- Niên độ kế toán (bắt đầu từ ngày **01/01/2013** kết thúc vào ngày **31/12/2013**).
- 2- Đơn vị tiền sử dụng trong kế toán : **Việt Nam đồng**

III- CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1- Chế độ kế toán áp dụng: **Kế toán Việt Nam**
- 2- Hình thức kế toán áp dụng : **Chứng từ ghi sổ**

IV- TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỨC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty thực hiện công tác hạch toán kế toán theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành

V- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1- Nguyên tắc xác định các khoản tiền: **tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

- 2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho;

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

- Phương pháp hoạch toán hàng tồn kho (kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ);

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận: **Căn cứ điều khoản thanh toán ghi trong hợp đồng cung cấp sản phẩm, và nội dung các khoản đề nghị chi tiền**
- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Căn cứ Công văn 4080/UBND-CNN ngày 11/8/2009 của UBND thành phố về việc xử lý nợ tồn đọng tại Công ty TNHH 01TV
Đầu tư Phát triển Thủ Thiêm

Căn cứ biên bản cuộc họp số 1111/BB-CT-HĐTV ngày 7/10/2009 của Hội đồng thành viên về việc xử lý nợ trong dự án tuyến đường

Căn cứ Thông tư số 228/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng quỹ dự phòng nợ khó đòi. Công ty đã trích lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi các khoản nợ sau:

Nợ phải thu Dự án tuyến đường ven sông

- Công ty khảo sát thiết kế 7
- Công ty Đầu tư Phát triển Giao thông vận tải
- Công ty Xây dựng Miền Đông

4.828.107.232
870.039.757
429.888.878
3.528.178.597
26.400.000
10.000.000
16.400.000
4.854.507.232

Nợ phải thu khác

- Ban Quản lý công trình Sở Xây Dựng
- Nguyễn Hữu Thâu

Tổng cộng

Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi đã lập đầu năm

- Công ty khảo sát thiết kế (70%)
- Công ty Đầu tư Phát triển Giao thông vận tải (70%)
- Công ty Xây dựng Miền Đông (100%)
- Ban Quản lý công trình Sở Xây Dựng (100%)
- Nguyễn Hữu Thâu (100%)

870.039.757
429.888.878
3.528.178.597
10.000.000
16.400.000
4.854.507.232

Tổng cộng

4- Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

- Nguyên tắc xác định khoản thu theo tiến độ kế hoạch hoạt động xây dựng;
- Nguyên tắc xác định khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch xây dựng.

5- Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình;

Căn cứ nguyên giá và thời gian sử dụng tài sản theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 25/04/2013
Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao theo đường thẳng

6- Hợp đồng thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính
- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính.

7- Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư;

Căn cứ theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ kế toán DN và chuẩn mực KT
Căn cứ theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp
- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

8- Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

- Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay;
- Tỷ lệ hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ;
- Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:
- + Chi phí trả trước;
- + Chi phí khác

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước;

- Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại.

9- Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

10- Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết;
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Nguyên tắc các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

11- Kế toán các hoạt động liên doanh:

Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh dưới hình thức: Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát; Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

12- Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác .

13- Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

14- Ghi nhận các khoản chi phí trả trước, dự phòng.

15- Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi.

16- Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

17- Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại;

18- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng; doanh thu cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu bán hàng: Căn cứ biên bản nghiệm thu sản lượng công trình hoàn thành hoặc giá trị tạm tính trên hợp đồng để ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính: Căn cứ phiếu báo lãi tiền gửi cuối tháng của ngân hàng

19- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng;

Căn cứ theo khối lượng công việc, hạng mục công trình hoàn thành trong năm được chấp nhận thanh toán

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng.



VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng kế cân đối KT và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
1- Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	138.122.122	43.614.218
- Tiền gửi ngân hàng	781.054.324	361.706.612
Ngân hàng Công thương Tp.HCM	20.311.511	22.875.990
Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển chi nhánh TPHCM (TK- 103005)	21.519.350	21.356.343
Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển chi nhánh TPHCM (TK - 5785)	656.395.770	225.517.282
Ngân hàng kỹ thương Việt nam chi nhánh Tân Bình		1.012.424
Ngân hàng Á Châu		5.929.033
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Quận 1	3.841.586	3.820.686
Ngân hàng ngoại thương		17.791.320
Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển chi nhánh TPHCM (TK-744167)	33.583.829	23.331.789
Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển chi nhánh TPHCM(TK-744158)		5.896.492
Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển chi nhánh TPHCM (TK-744130)		6.131.787
Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển chi nhánh TPHCM (TK-744149)		10.689.959
Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển chi nhánh TPHCM (TK-744121)		7.566.948
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Quận 5	45.402.278	9.786.559

	Cuối kỳ	Đầu năm
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
- Các khoản tương đương tiền: Tiền gửi tiết kiệm	10.860.777.806	8.913.148.478
Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng Đầu tư - Tài khoản 2008896		1.694.591.658
Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Quận 5, - Tài khoản 6222630010890		
Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng Bắc Á - Tài khoản 230001000011164	2.092.946.600	2.023.792.600
		3.170.971.620

Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn
 Quận 5 - Tài khoản 6222630010821
 Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng Đầu tư - Tài khoản 176562
 Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng Đầu tư - Tài khoản 12171053
 Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Quận
 1 - Tài khoản 1700633024669

3.046.486.900
 4.000.000.000
 1.721.344.306

2.023.792.600

3- Các khoản phải thu ngắn hạn

- Phải thu khách hàng
- Trả trước cho người bán
- Các khoản phải thu khác:

Cộng

+ Công nợ phải thu khách hàng

- Các dự án kinh doanh bất động sản, đã kết chuyển doanh thu nhưng chưa thu hồi công nợ do Công ty chưa bàn giao sổ đỏ theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký với khách hàng. Cụ thể:

- Dự án khu nhà ở Phú Lâm C mở rộng
- Dự án khu nhà ở Hoà Bình
- Dự án khu nhà ở Đất Việt
- Dự án khu căn hộ Hùng Vương plaza
- Dự án căn hộ Thủ thiêm star

Cuối kỳ	Đầu năm
6.319.669.539	6.319.669.539
5.252.992.500	6.880.231.929
6.440.229.560	6.442.519.883
	22.500.000
	9.580.645
18.012.891.599	19.674.501.996

- Các công trình thi công, tư vấn chủ đầu tư còn nợ do trong thời gian bảo hành sản phẩm, giám sát tác giả, hoặc đã nghiệm thu bàn giao vào cuối năm chủ đầu tư chưa thanh toán. Cụ thể:

Ban QLĐTXD Q. Bình Thạnh- Thi công CT Trường Lê Đình Chinh - Hợp đồng số 78/2002

139.866.939

139.866.939

Chi nhánh Tổng Công ty CP Bia Rượu nước giải khát Sài Gòn - Thi công cải tạo sân thao tác khu xử lý nước giếng tại nhà máy Bia Sài Gòn - Hợp đồng 1207/2013

532.745.178

- Công ty CP Đầu tư xây dựng kinh doanh và quản lý chung cư Gia Định -Lập dự án đầu tư xây dựng chung cư 127 Đinh Tiên Hoàng.

597.000.000

- Công ty Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 2 - Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cải tạo sửa chữa Trường tiểu học Lương Định Của - Hợp đồng 108/2011

22.251.000

22.251.000

- Công ty xây dựng và kinh doanh nhà Sài Gòn - Thiết kế chung cư Phường 12 Quận 3-Hợp đồng 16/2002

- Khu quản lý giao thông đô thị - Thiết kế kỹ thuật thi công nâng cấp Hương Lộ 13 - Hợp đồng 98/2003

- Trung tâm chấn thương chính hình - Khảo sát qui hoạch lập dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2-Hợp đồng 74/2001

- Công ty CP Long Bình - Khảo sát địa chất nhà ở Long Bình Q9 - Hợp đồng số 40/2010

- Công ty CP tập đoàn Hoàng Long -QH chi tiết 1/2000 cụm CN Hoàng Long 1 -
Hợp đồng số 23/2007

Công ty TNHH OITV Dịch vụ Công ích Quận 2 - Tư vấn khảo sát địa hình và lập
báo cáo kinh tế kỹ thuật đường kết nối dự cầu Giồng ông Tố 2- Hợp đồng
16/2011

Cty TNHH 01TV khu công nghiệp Cát Lái Quận 2 - Điều chỉnh chi tiết quy hoạch chi tiết 1/2000 khu công nghiệp Cát Lái Quận 2 - HĐ99/2009

Tư vấn lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật - Công trình cải tạo sữa chữa khu C -
Hội trường hiện hữu khu cấp cứu và xây mới hội trường bệnh viện Quận 2 - Ban
QLĐXD Công trình Qvũan 2 - Hợp đồng 140/2012

Xí nghiệp thương mại và dịch vụ Vân tải - Lập quy hoạch chi tiết 1/500, khảo sát địa chất địa hình, lập dự án địa hình trục đường 30m và nhà tái định cư 2,2ha - Hợp đồng 12/08

+ Công nợ trả trước cho người bán

Trong năm, Công ty ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện một số các hạng mục công trình thuộc một số dự án do Công ty làm chủ đầu tư. Do cuối năm, công trình chưa hoàn thành nên các khoản chi cho đơn vị bên ngoài được thể hiện trên tài khoản công nợ, chưa hạch toán vào chi phí dự án. Cụ thể

Phải thu ngắn hạn

Dự án 3.7ha Phường An Phú Quận 2

- Ban chỉ đạo công tác quy hoạch đền bù Quận 2 - Kiểm kê khảo sát đền bù giải phóng mặt bằng -

Dự án 1,6ha Phường An Phú Quận 2

281.591.905	281.591.905
161.672.143	161.672.143
46.373.974	46.373.974
116.824.986	116.824.986
358.922.500	358.922.500
57.989.043	57.989.043
13.415.000	13.415.000
371.170.000	371.170.000
1.570.077.490	2.899.622.668
g trình thuộc một số dự án do Công	
được thể hiện trên tài khoản công n	
Cuối kỳ	Đầu năm
865.177.907	865.177.907
40.000.000	40.000.000

- Trung tâm khoa học đào tạo và chuyển giao công nghệ xây dựng - Khảo sát quy hoạch lập dự án - Hợp đồng 04/2005

94.547.907

94.547.907

Dự án 6.18ha Phường An Phú Quận 2

- Ban chỉ đạo công tác quy hoạch đền bù Quận 2 - Kiểm kê khảo sát đền bù giải phóng mặt bằng - Hợp đồng 63/2010

60.000.000

60.000.000

Dự án Phú Lâm C

Văn phòng luật sư Quang Lê - Dịch vụ pháp lý liên quan đến vụ kiện Công ty Quang Minh- HĐ 15-05-2013

20.000.000

20.000.000

Dự án Đất Việt

Công ty CP thẩm định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam - Thẩm định giá tài sản diện tích 8100m2 - Hợp đồng 248/2010

9.000.000

9.000.000

Công ty TNHH Kiểm toán DTL:- Kiểm toán công trình thi công nhà thô - HĐ48/2013

22.500.000

22.500.000

Công ty CP đầu tư và xây dựng HUD-01-2 - Thi công nhà thô dự án Đất Việt theo Hợp đồng số 11/2011

212.693.400

212.693.400

Dự án hạ tầng kỹ thuật 87ha Phường An Phú Quận 2

- Ban chỉ đạo công tác quy hoạch đền bù Quận 2 - Kiểm kê khảo sát đền bù giải phóng mặt bằng - Hợp đồng 61/01

300.000.000

300.000.000

Dự án Nam Rạch Chiếc

Ban quản lý Đầu tư Xây Dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm - Lệ phí thẩm định quy hoạch 1/2000

33.297.000

33.297.000

Dự án khu nhà ở Hạnh phúc

Cty TNHH XD Công trình điện thương mại Thuận Phát - Thi công bảo trì trạm biến thế tại khu đất 118/8 Thống Nhất - Gò Vấp - Hợp đồng 32/2013

23.139.600

23.139.600

Phải thu khác

Công ty chứng khoán - Ngân hàng Đông Á - HĐ07/2008

50.000.000

50.000.000

Phải thu dài hạn

Dự án tuyến đường ven sông Sài Gòn

- Công ty Đầu tư Phát Triển Giao Thông Vận tải Tracodi - Thi công tuyến đường ven sông từ km2+688-km3+326

429.888.878

429.888.878

- Công ty Xây dựng Miền Đông Quận khu 7 - Thi công tuyến đường ven sông từ km0.00+688-km2+688
- Công ty khảo sát thiết kế 7- Khảo sát thiết kế kỹ thuật thi công tuyến đường ven sông

3.528.178.597	3.528.178.597
870.039.757	870.039.757
4.828.107.232	4.828.107.232

+ Công nợ phải thu khác

Ngắn hạn

- Ban quản trị chung cư Hùng Vương - Phí bảo trì 02 căn hộ Hùng Vương plaza Cty CP đầu tư Thủ thiêm - Phí bảo trì 01 căn hộ Thủ thiêm Star
- Vũ Minh Tuấn - Bảo hiểm xã hội năm 2011: 28.409.392; chi lắp đặt kính dự án khu nhà ở Hòa Bình 46.122.727

67.469.000	67.469.000
710.288.660	710.288.660

7.146.956	7.146.956
-----------	-----------

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TPHCM - Lãi tiền gửi tiết kiệm của chứng hợp đồng chuyển tiếp sang năm 2013

10.932.849	10.932.849
11.933.764	11.933.764
19.041.059	19.041.059

- Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Phan Đăng Lưu

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quận 5 Đình Vãn út - Bảo hiểm xã hội 06 tháng đầu năm 2013

8.186.505	8.186.505
-----------	-----------

- Ngô Thị Kim Gương - Xử lý vết nứt dự án khu nhà ở Hòa Bình 9.536.000; chi lắp đặt kính dự án khu nhà ở Hòa Bình 77.909.091, sửa chữa lô 3C-8D 720.000; Bảo hiểm xã hội 1.531.875, Bảo hiểm xã hội 6 tháng đầu năm 2013 -7.474.636

15.661.140	15.661.140
149.200.325	159.217.113

- Xưởng tư vấn số 2 - Thuế thu nhập cá nhân

- Xưởng tư vấn số 2 - Phí bảo lãnh bảo hành công trình Bĩa Sài Gòn

- Xưởng tư vấn số 3 - Phí bảo lãnh bảo hành công trình bĩa Sài Gòn

- Thuế thu nhập cá nhân CBCNV Công ty

1.399.999	10.259.863
-----------	------------

- Chi lắp đặt đồng hồ điện cho từng căn hộ trong dự án khu nhà ở Hòa Bình

4.140.278	4.140.278
-----------	-----------

- Lệ phí trước bạ khu nhà ở Hòa Bình

- Chi phí lắp đặt đồng hồ điện cho từng căn hộ trong dự án khu nhà ở Hòa Bình - Phạm Ngọc Việt 475.894, Công ty CP đầu tư Thủ thiêm 3.093.311

3.569.205	3.569.205
-----------	-----------

- Khám sức khỏe của CBCNV Công ty năm 2014

22.800.000	22.800.000
------------	------------

- Lương viên chức quản lý

240.779.569	240.779.569
-------------	-------------

1.272.447.401	1.024.277.187
---------------	---------------

4- Hàng tồn kho

Cuối kỳ	Đầu năm
---------	---------

- Chi phí SX, KD dở dang

297.533.266.616	297.338.166.584
-----------------	-----------------

- Hàng hoá bất động sản

Cộng giá gốc hàng tồn kho

53.754.466.798 53.754.466.798
351.287.733.414 351.092.633.382

. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là chi phí đầu tư vào các dự án kinh doanh khai thác đất . Do dự án đang trong quá trình thực hiện ở khâu đền bù giải tỏa, làm hạ tầng kỹ thuật, chưa khai thác kinh doanh.

Các dự án Công ty làm chủ đầu tư chưa đưa vào kinh doanh

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí dở dang dự án tái định cư 3,7ha Phường An Phú Quận 2	6.434.119.444	6.434.119.444
- Chi phí dở dang dự án 6,18 ha Phường An Phú Quận 2	57.859.047.459	58.129.047.459
- Chi phí dở dang dự án khu nhà ở Phường 7 Quận 8	18.419.522.333	18.419.522.333
- Chi phí dở dang dự án khu nhà ở đường Thống Nhất Quận Gò Vấp	33.170.308.259	33.170.308.259
- Chi phí dở dang khu nhà ở Đất Việt Quận Bình Tân	45.738.536.088	45.738.536.088
- Chi phí dở dang dự án 1,6ha Phường An Phú Quận 2	1.765.544.618	1.765.544.618
- Chi phí dở dang dự án hạ tầng kỹ thuật 87ha An Phú Quận 2	128.276.800.196	128.276.800.196
- Chi phí dở dang dự án Phú Lâm C	2.161.887.775	2.161.887.775
Chi phí dở dang dự án chung cư Lũy Bán Bích	12.000.000	12.000.000
Chi phí dở dang dự án khu nhà ở Hòa Bình		

Các công trình nhận thầu chưa bàn giao

- Chi phí điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/200 khu dân cư Tân phú theo hợp đồng 14/08	94.620.000	94.620.000
- Chi phí điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 Khu dân cư và công viên Huyện Li Khu 1 theo hợp đồng 15/08	102.090.000	102.090.000
- Chi phí điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 khu dân cư Tân Phú Trung - Khu 2		
- Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng huyện Củ Chi - Theo hợp đồng 16/2008 (Nguyễn Vũ Hào - Xưởng thiết kế số 2)	137.780.000	137.780.000
- Chi phí lập dự án đầu tư cây dựng trung tâm hành Quận 6 - Ban quản lý đầu tư xây dựng trung tâm hành chánh Quận 6 - Hợp đồng 17/05 (Xưởng tư vấn 1 - Trương Thái Cường)	16.579.373	16.579.373
- Chi phí TVQH trung tâm thể dục thể thao Huyện Củ Chi		
- Ban quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng Huyện Củ Chi - Hợp đồng 40/08	74.700.000	74.700.000
- Chi phí điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 - khu dân cư ngã giồng - Ban Quản Lý Dự án khu vực đầu tư xây dựng Huyện Hóc Môn theo hợp đồng 25/07 (Nguyễn Vũ Hào - Xưởng thiết kế số 2)	185.012.810	185.012.810

- Chi phí điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các công trình y tế Huyện Hóc Môn - Ban Quản Lý Dự án khu vực đầu tư xây dựng Huyện Hóc Môn theo hợp đồng 24/07 (Nguyễn Vũ Hào - Xưởng thiết kế số 2)	61.565.250	61.565.250
- Chi phí điều chỉnh quy hoạch khu dân cư Xuân Thới Thượng Huyện Hóc Môn - Ban Quản Lý Dự án khu vực đầu tư xây dựng Huyện Hóc Môn theo hợp đồng 26/07 (Nguyễn Vũ Hào - Xưởng thiết kế số 2)	236.329.220	236.329.220
- Chi phí Tư vấn lập QH CT Thẻ dực thể thao Q.Cù Chi - Ban Quản Lý Dự án khu vực đầu tư xây dựng Huyện Cù Chi Hợp đồng 39/08 (Nguyễn Vũ Hào - Xưởng thiết kế số 2)	74.700.000	74.700.000
- Chi phí lập QH khu dân cư Thái Mỹ Khu 2 - Ban QLDAKVĐTĐXD huyện Củ Chi - HĐ 68/07 (Nguyễn Vũ Hào - Xưởng thiết kế số 2)	154.380.000	154.380.000
Chi phí TV lập QH CT CC Sài Gòn Tourist - Giấy giao việc số 12/2006	400.000.000	400.000.000
- Chi phí lập QH khu dân cư Bình Mỹ - Ban QLDAKVĐTĐXD huyện Củ Chi - Hợp đồng 68/07 (Nguyễn Vũ Hào - Xưởng thiết kế số 2)	154.380.000	154.380.000
- Chi phí lập qui hoạch chi tiết 1/500, khảo sát địa chất, lập dự án , thiết kế hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở Phú Hữu Quận 9 - Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ Vận tải theo giấy giao việc số 13/08 - Nguyễn Vũ Hào - Xưởng tư vấn số 2 -	124.500.000	124.500.000
- Chi phí Tư vấn, lập HS TKé & Lập DA Đầu tư XD Dự án Long Bình Q9 - Công ty CP Long Bình		
- Chi phí lập dự án đầu tư khu cao ốc văn phòng cho thuê Sài Gòn Tourist - Cty CP Vận chuyển Sài Gòn Tourist - Giấy giao việc 09/2006	177.780.052	177.780.052
- Chi phí lập QH khu trung tâm thương mại huyện Củ Chi-Ban QLDAKVĐTĐXD huyện Củ Chi - Hợp đồng 66/07	134.460.000	134.460.000
Bệnh viện Răng hàm mặt TP- Thiết kế ý tưởng quy hoạch ống mặt bằng, khảo sát lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công và lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng -Hợp đồng 61/2012		
Chi phí thi công cải tạo khu vực làm việc tại lầu 2 Khối văn phòng 5 tầng Khu A - Chi nhánh Cty CP bia rượu nước giải khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn - HĐ37/2013	646.011.999	646.011.999
Chi phí thi công phá dỡ xây mới công, nhà bảo vệ tạm, cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Kim - - Chi nhánh Cty CP bia rượu nước giải khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn - HĐ 1803/2013	298.100.000	298.100.000

Chi phí tư vấn lập hồ sơ thiết kế cơ sở và thuyết minh dự án đầu tư xây dựng công trình chung cư số 4 Lương thế Vinh- Cty TNHH 1TV XD TM Sài Gòn 5-HĐ 58/2012

88.916.750

88.916.750

Chi phí thi công tháo dỡ và mở đường vận chuyển bia ra Nguyễn Kim - Chi nhánh Cty CP bia rượu nước giải khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn - HĐ 207/2013

32.289.958

32.289.958

Chi phí thiết kế cơ sở và dự án đầu tư xây dựng chung cư căn hộ Âu Cơ - Cty CP Địa Ốc 11-HĐ 03/2010

36.205.000

36.205.000

297.068.166.584

297.338.166.584

. Hàng hoá bất động sản

Căn hộ 9.03A - Căn hộ Hùng Vương Plaza

3.405.279.404

3.405.279.404

Căn nhà 19 Tại dự án khu nhà ở Bùi Minh Trục Quận 8

3.749.772.727

3.749.772.727

Căn nhà 21 Tại dự án khu nhà ở Bùi Minh Trục Quận 8

3.749.772.727

3.749.772.727

Căn nhà 23 Tại dự án khu nhà ở Bùi Minh Trục Quận 8

3.749.772.727

3.749.772.727

Căn hộ Thuthiemstar MBIII-12Bis-A

1.307.641.444

1.307.641.444

Căn hộ Thuthiemstar MBI-3A

1.320.707.643

1.320.707.643

Căn hộ Thuthiemstar MBI-12Bis-B

1.489.621.338

1.489.621.338

Căn hộ Thuthiemstar MBIII-12Bis-D

1.165.020.375

1.165.020.375

Căn hộ Thuthiemstar MBII-14-15-L7

1.835.850.000

1.835.850.000

Căn hộ Thuthiemstar MBII-11D

1.145.938.375

1.145.938.375

Căn hộ Thuthiemstar MBII-4B

1.376.295.338

1.376.295.338

Căn hộ Thuthiemstar MBII-10-B1

1.448.036.101

1.448.036.101

Căn hộ Thuthiemstar MBII-10-B

1.452.386.338

1.452.386.338

Căn hộ Thuthiemstar MBI-12-D

1.155.120.375

1.155.120.375

Căn hộ Thuthiemstar MBI-12bis-C1

1.492.184.727

1.492.184.727

Căn hộ Thuthiemstar MBII-12bis-B

1.489.621.338

1.489.621.338

Căn hộ Thuthiemstar MBII-12D

1.155.120.375

1.155.120.375

Căn hộ Thuthiemstar MBI-10-B1

1.448.036.101

1.448.036.101

Căn hộ Thuthiemstar MBI-12bis-D

1.165.020.375

1.165.020.375

Căn hộ Thuthiemstar MBIII-14-15-L7

1.835.850.000

1.835.850.000

Căn hộ Thuthiemstar MBII-12bis-D

1.165.020.375

1.165.020.375

Căn hộ Thuthiemstar MBIII-2-D1

1.117.357.831

1.117.357.831

Căn hộ Thuthiemstar MBII-14-15-L6

2.386.350.000

2.386.350.000

Căn hộ Thuthiemstar MBIII-14-15-L3
 Căn hộ Thuthiemstar MBIII-14-15-L6
 Căn hộ Thuthiemstar MBIII-2-A4
 Căn hộ Thuthiemstar MBIII-10-B1
 Căn hộ Thuthiemstar MBII-12bis-B1
 Căn hộ Thuthiemstar MBIII-12bis-B
 Căn hộ Thuthiemstar MBII-2-A5

5- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế GTGT còn được khấu trừ		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập cá nhân		
	Cuối kỳ	Đầu năm
	(1.936.745.439)	(2.683.869.816)
	(5.574.049.268)	(5.482.901.396)
	(34.602.391)	(151.586)
	(7.545.397.098)	(8.166.922.798)

6- Phải thu dài hạn nội bộ: Không phát sinh

7- Phải thu dài hạn khác

Công ty CP Cấp Nước Chợ Lớn - Ứng trước chi phí Lắp đặt hệ thống cấp nước
 Dự án Hoà Bình & DA Đất Việt
 Phải thu chi phí cổ phần hóa
 Nguyễn Minh Trí - Thi công khu du lịch Đồng Sen Phương Nam

Ban quản lý công trình Sở Xây Dựng	448.184.800	448.184.800
Trần Hữu Thâu - Tạm mượn cá nhân	87.917.628	87.917.628
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 2 - Chuyển tiền đền bù giải tỏa để thực hiện cưỡng chế	10.000.000	10.000.000
Phải thu cổ phần hóa	16.400.000	16.400.000
	10.069.421.350	10.069.421.350
	213.045.455	152.500.000
	10.844.969.233	10.784.423.778

8- Tãng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	67.515.000		1.943.855.867	234.077.937		2.245.448.804
- Mua trong năm						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	67.515.000		1.943.855.867	234.077.937	-	2.245.448.804
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	67.515.000		1.743.640.874	216.705.033		2.027.860.907
- Khấu hao trong năm	-		87.317.976	3.960.000		91.277.976
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	67.515.000	-	1.830.958.850	220.665.033	-	2.119.138.883
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu năm	-	0	200.214.993	17.372.904	0	217.587.897
- Tại ngày cuối kỳ	0	0	112.897.017	13.412.904		126.309.921

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: **Không có**
 * Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **522.588.891**
 * Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: **293.280.000**

Nội dung
 Xe Mazda 12 chỗ 52M 0670
 Mã tài sản
 I-ÔT04-96
 Nguyên giá
 293.280.000

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai (chưa thực hiện):
 * Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

9- Tãng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

10- Tãng, giảm tài sản cố định vô hình:
 11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư	0	0
- Nhà và quyền sử dụng đất		
Giá trị hao mòn lũy kế	0	0
- Nhà và quyền sử dụng đất		
Giá trị còn lại BĐS đầu tư	0	0
- Nhà và quyền sử dụng đất		0

Thuyết minh số liệu và giải thích khác theo yêu cầu của Chuẩn mực kế toán số 05 Bất động sản đầu tư

13- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn:

- Đầu tư dài hạn khác:

14- Chi phí trả trước dài hạn

Không phát sinh

15- Các khoản vay và nợ ngắn hạn

Không phát sinh

Cuối kỳ _____ Cuối năm _____

Cuối năm _____

Cộng

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Không phát sinh

Cuối năm _____

17- Chi phí phải trả

Cuối kỳ _____ Đầu năm _____
179.009.836.368 173.398.199.070

Chi phí phải trả cho các công trình thi công, tư vấn thiết kế

Một số công trình nhận thầu bên ngoài đã được ghi nhận doanh thu nhưng bộ phận thực hiện chưa hoàn tất thủ tục thanh quyết toán chi phí. Để đảm bảo sự tương ứng giữa doanh thu và chi phí, Công ty căn cứ tỷ lệ giao việc cho các đội xưởng trực thuộc Công ty để trích trước chi phí tính vào giá thành sản phẩm. Cụ thể các công trình sau:

Công trình thi công: Giá vốn = Doanh thu x 96%
Công trình thiết kế: Giá vốn = Doanh thu x 1,1 x 83%

Lập QH chi tiết khu đô thị 87ha An Phú Quận 2 - Xưởng tư vấn thiết kế số 2 - GGV32/2007

Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Hà Quang - Lập dự án khu làng nghề cá cảnh - Xưởng tư vấn thiết kế số 2 - Hợp đồng 1059/2010

241.724.135 241.724.135
251.096.608 251.096.608

Công ty quản lý và phát triển nhà Quận 2 - Tư vấn lập hồ sơ báo cáo kinh tế KT công trình cải tạo và nâng cấp chợ Bình Khánh - Xưởng tư vấn thiết kế số 2 - Hợp đồng 65/2010	51.958.600	51.958.600
Tư vấn khảo sát địa hình đường kết nối dạ Cầu Giồng Ông Tố 2- Công ty TNHH 01TV DV Công ích Quận 2 - Hợp đồng 16/2011	98.830.906	98.830.906
Thiết kế hạ tầng tầng kỹ thuật nội bộ An Phú - Hợp đồng 04/2012	62.742.107	62.742.107
Lập dự án đầu tư chung cư 127 Đinh Tiên Hoàng - Hợp đồng 01/2008		495.510.000
Lập dự án đầu tư khu nhà ở Phường Tân Thới Nhất Quận 12 - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1 - Tổng Cty Địa Ốc Sài Gòn - HĐ01/2011	281.425.955	281.425.955
Dự án Đất Việt	12.357.591.282	12.357.591.282
Dự án An Phú	163.865.765.986	158.586.909.046
Cải tạo Xây dựng phòng kiểm nghiệm chất lượng nhà máy bia Sài Gòn - HĐ2612/2012	9.159.787	
Lập hồ sơ thiết kế QH chi tiết 1/500 và lập dự án đầu tư khu nhà vườn Long Bình - Cty CP Đầu tư Long Bình HĐ2/2011	187.879.232	187.879.232
Điều chỉnh chi tiết quy hoạch khu công nghiệp Cát Lái Quận 2- Cty TNHH 01TV Dịch vụ Công ích Quận 2 - HĐ99/2009		88.376.686
Tư vấn lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình cải tạo , sửa chữa khu C (Hội trường hiện hữu, khu cấp cứu) và xây mới hội trường Bệnh viện Quận 2- Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 2 - Hợp đồng 140/2012	11.134.450	11.134.450
Thi công cải tạo G3- Chi nhánh Tổng Cty CP Bia Rượu giải khát nước Sài Gòn - Nhà máy bia Sài Gòn - Hợp đồng 1112/2013 - Xí nghiệp tư vấn XD số 3	290.618.986	
Thi công via hè bồn hoa đường Nguyễn Kim nhà máy bia Sài Gòn - Hợp đồng 608/2013	51.319.648	51.319.648
Hợp đồng 1207/2013	403.016.174	449.647.374
Thi công phá dỡ xây mới công nghệ bảo vệ tạm, cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Kim - Nhà máy bia Sài Gòn - Hợp đồng 180/2013 - Xí nghiệp tư vấn XD số 3	112.566.532	
Thi công xây dựng cải tạo khu vực làm việc tại lầu 2 - khối 5 tầng khu A - Nhà máy bia Sài Gòn - Hợp đồng 37/2013 - Xí nghiệp tư vấn XD số 3	692.584.739	
Thi công bê nước ngầm thu hồi 20m3 tại nhà máy bia Sài Gòn - Hợp đồng 2003/2013		91.631.800
Thi công xây mới phòng kiểm nghiệm chất lượng - nhà máy bia Sài Gòn - HĐ2211/2012 - Xí nghiệp tư vấn xây dựng số 3	40.421.241	40.421.241

18-Chi phí phải trả, phải nộp khác

	Cuối kỳ	Đầu năm	
- Bảo hiểm xã hội, y tế	2.614.368.000	-	2.111.260.813
- Kinh phí công đoàn	56.793.446		50.806.304
- Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV			33.735.023
- Các khoản phải trả, phải nộp khác			2.026.719.486
. Thái Anh Chiến - Thuế Vat đầu vào	2.557.574.554	-	12.833.175
. Vũ Minh Tuấn - Đội thi công số 1 - Thuế VAT đầu vào	12.833.175		109.109.352
. Ngô Thị Kim Hương - Đội thi công số 4 - vat đầu vào	109.109.352		53.768.198
. Bùi Quang Trí - Đội thi công số 7 - Thuế VAT đầu vào	151.334.211		151.334.211
. Võ Văn Lưu - Đội thi công số 7 - Thuế Vat đầu vào	5.436.240		5.436.240
. Nguyễn Vũ Hào - Xưởng tư vấn số 2 - Tạm giữ thuế thu nhập cá nhân	219.711.617		213.911.617
. Nguyễn Ái Trường - Thuế Vat đầu vào 32.174.199; Thuế thu nhập cá nhân	55.528.199		55.528.199
. Ngô Nhật Hưng - Tạm giữ thuế thu nhập cá nhân	9.895.000		9.895.000
. Phạm Thị Huệ - tạm giữ 10% chi phí đền bù giải tỏa hộ Phạm Thị Huệ	800.000		800.000
Xưởng tư vấn số 1 - Tạm giữ thuế thu nhập cá nhân	158.798.870		158.798.870
. Nguyễn Hữu Hướng - Thuế vat đầu vào	8.596.414		8.596.414
. CTy Tư vấn XD Tân CC - Tạm thu tiền giám sát tác giả HĐ số 04/2002	4.597.256		4.597.256
. Vũ Xuân Hoà - Thuế Vat đầu vào			
. Nguyễn Đức Huy - Thuế Vat đầu vào	16.955.397		16.955.397
. Đinh Văn Út - Đội thi công số 6 - Thuế Vat đầu vào	70.531.196		70.531.196
. Phan Văn Giới - Thuế vat đầu vào 528.501.479 - Tiền bảo lãnh báo hành công trình	886.909.214		535.624.361
. Phan Văn Giới - Chuyển trả tiền mua trang thiết bị phục vụ thi công	154.530.919		
. Nguyễn hàng Vang - Tiền điện nước	239.296		
- Kim Mỹ - Đất cọc tiền mua nhà tại dự án Đất Việt			50.000.000
Nguyễn Quang Vinh - Ký quỹ thi công hoàn thiện căn 4F tại dự án khu nhà ở Hòa Bình			
Hồng Thắm - Ký quỹ thuê căn hộ 109.03A tại Hùng Vương Plaza	30.000.000		10.000.000
Nguyễn Thị Thanh Thúy Ký quỹ thuê căn hộ MBIII -12Bis A tại Thủ Thiêm Star			30.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Xây Lắp dầu khí Việt Nam - Ký quỹ để sử dụng tạm	200.000.000		200.000.000
Cty TNHH Đại Hưng Phú - Sử dụng mặt bằng tại dự án 87ha	150.000.000		150.000.000
Trần Quyết Chiến - Ký quỹ thuê căn hộ tại Thuthiem star	10.000.000		10.000.000

Công ty cổ phần tyoon - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem star
Trần Quang Huy - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiemstar
Nguyễn Hàng Vang - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Trần Thanh Tuấn - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Trần Thanh Lân - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Trần Tuấn Anh - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Võ Phương Quỳnh - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Đỗ Thùy Lam - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Trần Thị Ánh Tuyết - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Di Su Mai - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Trần Hải Âu - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Nguyễn Hoàng Tố Uyên - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Trần Thị Tuyết Nga - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Mã Thị Nga - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Võ Quang Phúc - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Phạm Công Phúc - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Huỳnh Thanh Tùng - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Nguyễn Quốc Bình - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Trịnh Tiến Hoàng - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Xuân Thùy - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Hà Đình Sang - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Thúy Uyên - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Hồ A Siêu - Ký quỹ thi công nhà tại dự án khu nhà ở Hòa Bình
Ngô Phương Cát - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Vương Kim Tuyền - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Phạm Hồng Mạnh - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star
Võ Mạnh Đức - Ký quỹ thuê căn hộ Thuthiem Star

10.000.000
8.000.000
16.000.000
8.000.000
8.000.000
8.000.000
9.000.000
10.000.000
9.000.000
9.000.000
10.000.000
10.000.000
8.000.000
9.000.000
8.000.000
9.000.000
8.000.000
9.000.000
8.000.000
9.000.000
12.000.000
8.000.000
9.000.000



19- Phải trả dài hạn

Cuối kỳ	Đầu năm
127.451.714.856	127.451.714.856

Công ty được Ủy Ban Nhân Dân TP giao làm chủ đầu tư thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật chính khu đô thị 87ha tại Phường An Phú Quận 2 với nguồn vốn góp từ các đơn vị thành phần có dự án trong khu đô thị. Đến cuối năm 2012, tổng nguồn kinh phí góp vốn thực hiện dự án là 114.123.291.444bao gồm các đơn vị sau:

Cuối kỳ	Đầu năm
1.978.095.520	1.978.095.520
15.375.885.300	15.375.885.300

1. Công ty TNHH Thương mại M2M
2. Công ty TNHH Tiến Phước

3. Công ty cổ phần bất động sản xây lắp dầu khí Việt Nam	4.172.036.610	4.172.036.610
4. Công ty Đầu tư và Dịch vụ Thành phố	8.933.599.371	8.933.599.371
5. Công ty cổ phần Địa Ốc 11	7.907.438.064	7.907.438.064
3. Công ty TNHH liên doanh Hoàng Kim	6.879.687.589	6.879.687.589
7. Công ty TNHH Chiến Thắng	7.379.282.710	7.379.282.710
8. Công ty TNHH Tân Tạo	3.480.657.200	3.480.657.200
9. Công ty TNHH 01 thành viên Xây dựng và Kinh doanh nhà	16.451.059.000	16.451.059.000
10. Công ty cổ phần đầu tư phát triển Saigon coop	21.157.694.016	21.157.694.016
11. Cty TNHH Thương mại Dịch vụ Mỹ Mỹ	4.315.797.040	4.315.797.040
12. Công ty Cổ phần Phát Triển Nhà Thủ Đức	17.165.689.480	17.165.689.480
	115.196.921.900	115.196.921.900

Công ty đang triển khai một số dự án kinh doanh chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại một số khu đô thị mới. Để đảm bảo đủ vốn kinh doanh, Công ty đã huy động các nguồn vốn khác. Cụ thể:

Dự án khu nhà ở 6,18ha khu đô thị An Phú Quận 2

- Công ty Cổ phần Thanh Niên
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm
- Khách hàng khác

Dự án khu nhà ở 3,7ha khu đô thị An Phú Quận 2

- Công ty Cổ phần Thanh Niên
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm

Thu chuyển hệ tiền của các chủ đầu tư dự án thành phần có đất liền thửa với dự án 87ha để

. Công ty Xây dựng số 14	2.000.000.000	0	2.000.000.000
. Công ty TNHH Chiến Thắng	1.000.000.000		1.000.000.000
. Cty TNHH Thương mại Dịch vụ Mỹ Mỹ	1.000.000.000		1.000.000.000
. Cty Kinh doanh nhà Phú Nhuận - Thu tiền chuyển Ban Bồi thường Quận 2 để chi bồi thường hộ Võ Thị Hoà	9.863.870.713	-	9.863.870.713
	1.827.328.250		1.827.328.250
	7.738.530.763		7.738.530.763
	78.052.500		78.052.500
	219.959.200		219.959.200
Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn - Lãi tính trên khoản tiền do Công ty Cổ phần Địa Ốc kinh phí chuyển nhượng dài đất 22M	115.628.213		115.628.213
	212.825.030		212.825.030
Ban quản lý dự án công trình Quận 1- Thi công trường Trần Văn Ôn	62.469.000		62.469.000

20- Vay và nợ dài hạn

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

a. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :

Căn cứ thông tư 130//2008/TT-BTC hướng dẫn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, hàng tháng Công ty xuất hóa đơn và đơn và kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính 2% trên tiền ứng trước của khách hàng. Tổng số thuế thu thu nhập doanh nghiệp tạm nộp là:

Cuối kỳ	Đầu năm
98.778.315	2.373.453.059
83.160.666	115.391.052
73.920.592	6.432.182
9.240.074	
	8.570.924
	100.387.946
	2.390.065.796
	2.350.685.470
	39.380.326
181.938.981	98.778.315

Số dư đầu năm

Số trích trong năm

Tháng 1

Tháng 3

Tháng 5

Tháng 6

Quý 3

Quý 4

Số hòa nhập trong năm

Dự án 6,18ha Phường An Phú Quận 2

Dự án khu nhà ở tái định cư Phú Lâm C

Số dư cuối năm

22- Vốn chủ sở hữu

22.1- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Số dư đầu năm 2013	40.000.000.000			3.279.896.449		43.279.896.449
Tăng vốn trong năm 2013	-		945.050.310	-		945.050.310
- Từ cấp bổ sung						-
- Lợi nhuận tăng						-
- Phân phối lợi nhuận			945.050.310			945.050.310
Giảm trong năm 2011						-
Số dư cuối năm 2013	40.000.000.000		945.050.310	3.279.896.449	-	44.224.946.759
Số dư đầu năm 2014						
Tăng trong năm 2013	-		-	-		-
- Từ cấp bổ sung						-
- Lợi nhuận tăng						-
- Phân phối lợi nhuận						-
Giảm năm nay						-
Số dư cuối kỳ	40.000.000.000	-	945.050.310	3.279.896.449	-	44.224.946.759

22.2- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của nhà nước
- Vốn tự bổ sung

<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
31.813.691.150	31.813.691.150
8.186.308.850	8.186.308.850
40.000.000.000	40.000.000.000

22.3- Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển sản xuất
- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
945.050.310	945.050.310
3.279.896.449	3.279.896.449

23- Nguồn kinh phí

- Chi sự nghiệp
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ
- Trong đó

<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
106.771.970.238	106.771.970.238
106.169.781.789	106.169.781.789

Dự án đường Song hành xa lộ Hà Nội

- Chi sự nghiệp
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ

106.698.674.238	106.698.674.238
106.096.485.789	106.096.485.789

Dự án đường Vườn Lài

- Chi sự nghiệp
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ
- Dự án Nam Rạch Chiếc
- Chi sự nghiệp
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ

73.296.000	73.296.000
73.296.000	73.296.000

24- Tài sản thuê ngoài

- Không phát sinh

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

25- Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu hoạt động bất động sản
- Doanh thu hoạt động dịch vụ tư vấn
- Doanh thu hoạt động thi công

9.197.349.351
3.237.738
5.063.710.950
14.264.298.039

Cộng

26 Các khoản giảm trừ doanh thu

- Hàng bán bị trả lại

542.727.273

27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:

28- Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp

Trong đó

- Giá vốn hoạt động bất động sản
- Giá vốn hoạt động dịch vụ tư vấn
- Giảm giá vốn hoạt động dịch vụ tư vấn do giảm doanh thu
- Giá vốn hoạt động thi công

Cộng

29- Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

30- Chi phí hoạt động tài chính

31- Thu nhập khác

32- Chi phí khác

33- Chi phí quản lý

34- Chi phí bán hàng

34- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập Ngày 14 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc



Ts. Ngô Mạnh Cường

TRẦN LIỄU THÚY